

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG KHUNG KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM THEO MÔ HÌNH KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH NỐI TIẾP CỦA GILE

Nguyễn Ngọc Lân*,
Nguyễn Thành Công

Trường Đại học Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: lann@hanu.edu.vn

Article history

Received: 19/9/2024

Accepted: 16/10/2024

Published: 05/12/2024

Keywords

Gile's consecutive
interpreting skills model,
skills framework, output
standards, interpreting skills,
Chinese language

ABSTRACT

The skills framework is an important component in building output standards for university-level training programs in the field of translation-oriented linguistics. This article aims to develop an interpretation skills framework for the undergraduate training program of Chinese Language oriented towards Translation and Interpretation in Vietnam according to Gile's consecutive interpretation skills model. The article uses the method of synthesis, analysis, survey, comparison and contrast on interpreting competence along with introducing Gile's consecutive interpreting skill model, thereby proposing a skills framework including: Multitasking skills, Information organization skills, Memory skills, Note-taking skills, and Communication skills. Applying these proposed skills will support the development and implementation of training programs as well as learners' interpretation skills during the course and in their future practical interpretation work.

1. Mở đầu

Bồi dưỡng và phát triển kỹ năng người học là một trong những mục tiêu hướng đạt của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học các ngành Ngôn ngữ định hướng phiên dịch tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện đào tạo các học phần Thực hành dịch, hoạt động giảng dạy, công tác kiểm tra, đánh giá chưa được chuẩn hóa, hệ thống học liệu, bài tập, phương pháp thực hiện chưa được đồng bộ và tồn tại một số điểm bất cập. Nguyên nhân chủ quan có thể xuất phát từ người xây dựng CTĐT chưa ý thức được tầm quan trọng của việc xác định các kỹ năng này để từ đó xây dựng các chuẩn đầu ra tương ứng. Ngoài ra, hoạt động đào tạo phiên dịch ở một số cơ sở giáo dục còn mang nhiều yếu tố định tính, dựa nhiều vào kinh nghiệm lịch sử, ít có sự tham khảo, định hướng từ cơ sở lý luận và các kết quả nghiên cứu (Lê Hùng Tiến, 2017).

Chính vì vậy, để triển khai thực hiện CTĐT thực sự có hiệu quả, những người phát triển và thực hiện CTĐT cần cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức, xác định và đề ra mục tiêu hướng đạt cho người học về kỹ năng phiên dịch dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc và kết quả nghiên cứu của các học giả uy tín. Bài báo này giới thiệu mô hình kỹ năng phiên dịch nối tiếp của Gile, từ đó đề xuất xây dựng khung kỹ năng phiên dịch dành cho CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng phiên dịch tại Việt Nam theo mô hình kỹ năng phiên dịch nối tiếp của Gile.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Bàn về kỹ năng phiên dịch

Việc xác định các năng lực cần thiết trong đào tạo phiên dịch không phải là một vấn đề mới, ngay từ những năm 50 của thế kỷ trước, các học giả đã tập trung vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra cho loại hình này và ứng dụng trong đào tạo phiên dịch (Vũ Văn Đại và cộng sự, 2023). Nhờ sự tham gia đồng đạo của những người trực tiếp đào tạo phiên dịch, vấn đề xác định năng lực phiên dịch nói chung và các kỹ năng phiên dịch nói riêng đã đạt được những kết quả khá rõ rệt (Wang Dan, 2021). Kade và Cartellieri (1971) cũng cho thấy, các sai sót xảy ra trong quá trình phiên dịch (dịch nối tiếp và dịch song song) không hoàn toàn do năng lực ngoại ngữ hoặc kiến thức tiếng mẹ đẻ của người dịch mà còn đến từ khả năng xử lý hữu hạn của não bộ. Phiên dịch là một hoạt động cơ năng đòi hỏi não bộ phải làm việc hết sức với một năng lực xử lý hạn chế, nhiều khi lại bị phân tán bởi các hoạt động không liên quan, vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào khai thác nguồn tài nguyên hữu hạn của não bộ nhằm mục tiêu phiên dịch đạt được hiệu quả cao (Lin Chao, 2017). Có thể kể đến nghiên cứu của Herbert (1952) và Rozan (1956) về kỹ thuật chuẩn bị tài liệu trước khi dịch và kỹ thuật ghi nhớ, ghi chép mà phiên dịch viên cần có khi tác nghiệp dịch nối tiếp.

Trong các nghiên cứu về kỹ năng phiên dịch, nổi bật hơn cả là mô hình phiên dịch theo trường phái Paris, hay còn gọi là Lí thuyết dịch diễn giải (Théorie interprétative) do Danica Sleskovitch khởi xướng và dẫn dắt. Lí thuyết dịch diễn giải cho rằng, phiên dịch là một quá trình 3 bước: nắm bắt nghĩa lời nói - phi ngôn từ hóa - tái diễn đạt trong ngôn ngữ đích. Lí thuyết dịch diễn giải đã “*làm sáng tỏ quá trình tri nhận giúp người phiên dịch có thể truyền đạt hầu như tức thì một thông điệp từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác*” (Seleskovitch, 1968, tr 36). Song, lí thuyết dịch diễn giải lại mới nhấn mạnh việc phải làm chủ ngôn ngữ đích và ngôn ngữ nguồn mà chưa định nghĩa một cách tường minh khái niệm kỹ năng dịch (Vũ Văn Đại và cộng sự, 2023, tr 69).

2.2. Xác định kỹ năng phiên dịch

Trước đây, khi bàn về năng lực và kỹ năng phiên dịch, một số học giả có xu hướng đánh đồng nội hàm giữa hai khái niệm này (Wang Dan, 2021). Ví dụ, Pöchhacker cho rằng năng lực phiên dịch viên (interpreter competence) là chỉ vai trò nghề nghiệp của phiên dịch viên, trong khi năng lực phiên dịch (interpreting competence) là chỉ khả năng chuyển đổi và khả năng ngôn ngữ, văn hóa (Albl-Mikasa, 2013), hai năng lực này đứng ở vị trí ngang hàng. Albl-Mikasa (2012; 2013) và Wang Binhua (2007) lại cho rằng năng lực phiên dịch viên bao gồm tất cả các kiến thức và năng lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ phiên dịch chuyên nghiệp (Albl-Mikasa, 2013, tr 19), trong đó gồm năng lực phiên dịch và năng lực nghề nghiệp (Albl-Mikasa, 2013, tr 31); còn năng lực phiên dịch là hệ thống kiến thức và kỹ năng nội tại cần thiết để hoàn thành hành vi phiên dịch (Wang Binhua, 2007, tr 47). Theo các nghiên cứu trên, năng lực phiên dịch viên và năng lực phiên dịch không ngang hàng, năng lực phiên dịch viên nằm ở cấp trên, năng lực phiên dịch ở cấp dưới và là một phần của năng lực phiên dịch viên.

Về vấn đề này, chúng tôi tán thành quan điểm của Côté và cộng sự (2015): “*Năng lực là một nhóm hoặc một tập hợp tích hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ, cho phép thực hiện thành công một hoạt động hay một tập hợp hoạt động được coi là nhiệm vụ hay công việc*” (tr 5). Chúng tôi cho rằng, năng lực phiên dịch (interpreting competence) là hệ thống các kiến thức và kỹ năng nội tại cần thiết để hoàn thành hành vi phiên dịch, bao gồm cả khả năng ngôn ngữ, khả năng văn hóa, và khả năng chuyển đổi ngôn ngữ. Trong khi, kỹ năng phiên dịch (interpreting skills) được xem là một phần của năng lực phiên dịch, bao gồm các kỹ năng cụ thể cần thiết trong quá trình phiên dịch, như kỹ năng xử lí văn bản, kỹ năng chuyển đổi ngôn ngữ, kỹ năng quản lí tổng thể quá trình dịch thuật. Kỹ năng phiên dịch là thành phần cốt lõi của năng lực phiên dịch.

2.3. Mô hình kỹ năng phiên dịch của Gile

Gile nghiên cứu hoạt động phiên dịch và đào tạo phiên dịch trên cơ sở kiến thức liên ngành tâm lí học, ngôn ngữ học và xã hội học. Gile (2009) đưa mô hình cho 2 hoạt động dịch nối tiếp (CI) và dịch song song (SI). Với hoạt động dịch nối tiếp, Gile đưa ra 2 công thức cho 2 giai đoạn: (1) Tiếp nhận và (2) Sản sinh:

Giai đoạn 1: CI = L + N + M + C

Giai đoạn 2: CI = Rem + Read + P

Ghi chú: **L (Listening)** là “tất cả các hoạt động hướng đến sự hiểu, từ việc phân tích các sóng âm thanh đưa bài phát biểu trong ngôn ngữ nguồn (SL) đến tai của người dịch, từ việc xác định các từ, đến các quyết định cuối cùng về ý nghĩa của câu.” (Gile, 2009, tr 164). Đây là bước khởi đầu của hoạt động dịch; **M (Memory)** đại diện là trí nhớ ngắn hạn (STM), trí nhớ này sử dụng một năng lực hạn chế của não bộ để thu thập thu thập thông tin của SL trong một khoảng thời gian ngắn; **N (Note taking)** là yếu tố hỗ trợ, việc ghi chép góp phần giải tỏa áp lực cho ghi nhớ khi thông tin dài và mật độ dày đặc (Gile, 2009, tr 179); **Rem (Remember)** là “hoạt động liên quan đến việc tái hiện thông tin từ ghi nhớ và ghi chép của phần đoạn giọng nói trong SL đang được dịch” (Gile, 2009, tr 168). Nó tái hiện phần đoạn ngôn ngữ của bài phát biểu gốc theo trình tự phục vụ việc truyền tải ở giai đoạn sau; **Read (Read Note)** là chỉ việc tái hiện nội dung bản ghi chép đã thực hiện trước đó; **P (Production)** là một quá trình đa dạng, bao gồm việc trình bày lại thông tin đã nghe, sử dụng tài liệu để bổ cục lại nội dung cần dịch; **C (Cooperation)** đây là năng lực giúp người dịch quản lí và điều phối sự tập trung của mình trong suốt quá trình, nghe, hiểu, nhớ, ghi, diễn đạt.

Theo Gile (2009), đây là các kỹ năng mà người dịch cần có để thực hiện hoạt động phiên dịch nối tiếp. Người dịch có thể chủ động thực hiện đồng thời các tác vụ ở giai đoạn 2, song giai đoạn 1 là quan trọng và bị phụ thuộc vào người nói. Gile cũng khái quát việc hiểu thành công thức:

C = LK + ELK + A

C (comprehension, hiểu)

KL (knowledge for the language, kiến thức ngôn ngữ)

ELK (extralinguistic knowledge, kiến thức ngoài ngôn ngữ)

A (analysis, phân tích).

Để hoạt động phiên dịch diễn ra suôn sẻ, phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

1) LR+NR+MR<TA 2) LR<LA 3) NR<NA 4) MR<MA 5) CR<CA	LR: yêu cầu đối với L NR: yêu cầu đối với N MR: yêu cầu đối với M	TA: tổng công suất xử lý hiện có LA: dung lượng khả dụng của L NA: dung lượng khả dụng của N MA: dung lượng khả dụng của M CA: dung lượng khả dụng của C
--	---	---

Gile (2009) đồng thời cũng chỉ ra, có những yếu tố có thể làm giảm tổng số quá trình xử lý nhu cầu năng lực. Ông đề xuất hai loại dự đoán: dự đoán ngôn ngữ và dự đoán ngoại ngữ. Nếu việc này thực hiện có hiệu quả, sẽ tiết kiệm được công suất xử lý trong một khoảng thời gian nhất định, điều này hỗ trợ cho người dịch hoàn thành tốt hơn công việc phiên dịch của mình. Kiến thức ngoại ngữ được xây dựng tốt có thể giúp giảm yêu cầu năng lực của các tác vụ khác nhau, đồng thời kéo giãn thời gian phân phối cuối cùng của hoạt động dịch.

2.4. Hiện trạng về khung kỹ năng thuộc các chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng phiên dịch tại Việt Nam hiện nay

Nhằm có cái nhìn khách quan, toàn diện về kỹ năng phiên dịch, kỹ năng phiên dịch nói riêng và việc đào tạo kỹ năng phiên dịch ở bậc đại học của các CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, định hướng biên, phiên dịch, chúng tôi tiến hành tổng hợp các mục tiêu và chuẩn đầu ra được mô tả trong các CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của 06 trường đại học chuyên ngữ tại Việt Nam: Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, Trường Đại học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ thông tin mô tả trong CTĐT công bố công khai của các trường nêu trên, chúng tôi xác định mục tiêu đào tạo các kỹ năng phiên dịch cho người học.

Bảng 1. Bảng thống kê số lượng tín chỉ các học phần bắt buộc liên quan đến đào tạo kỹ năng biên dịch và phiên dịch trong CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp)

TT	Tên trường	Tổng số tín chỉ bắt buộc khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần liên quan đào tạo kỹ năng biên, phiên dịch			Tỉ lệ	Học phần khác
			Lý thuyết dịch	Thực hành biên dịch	Thực hành phiên dịch		
1	Trường Đại học Hà Nội	20	2	9	9	100%	0
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	18	2	6	6	77,8%	4
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	22	2	12	12	63,6%	8
4	Trường Đại học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	13	0	3	3	46,1%	7
5	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	14	3	4	2	64,3%	5
6	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	20	0	3	3	30%	17

Thông qua thông tin mô tả trong các CTĐT và số liệu thống kê ở bảng 1, có thể thấy:

Thứ nhất, các CTĐT đều có chung mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực tiếng Trung Quốc có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, có kỹ năng nghề nghiệp, có kỹ năng tự chủ trách nhiệm cao, đảm nhận được các vị trí công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Thứ hai, trong các CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của 06 trường, chỉ duy nhất có CTĐT của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế phân chia thành 2 định hướng chuyên ngành Biên dịch và Phiên dịch, các CTĐT của 05 trường còn lại đều gộp biên, phiên dịch trong một định hướng. Đồng thời, không có trường nào đào tạo cử nhân biên, phiên dịch Trung - Việt chuyên nghiệp. Lý do khách quan là ngành biên, phiên dịch chưa có tên trong danh mục đào tạo trình độ đại học của Bộ GD-ĐT. Trình độ đầu vào và thời lượng đào tạo không đủ, bởi phần lớn sinh viên

bắt đầu học tiếng Trung Quốc khi vào đại học, nên 4 năm là chưa đủ để thành thạo các kỹ năng ngoại ngữ và đạt trình độ nghề dịch chuyên nghiệp.

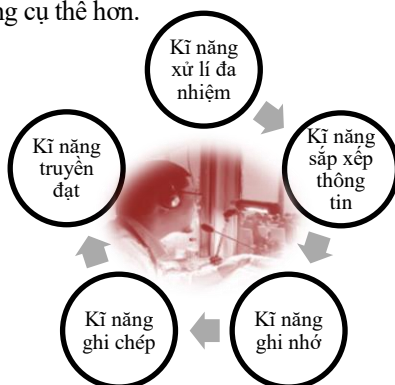
Thứ ba, liên quan tới biên, phiên dịch, tùy theo từng trường hợp khác nhau mà các mục tiêu cụ thể có khác nhau, có trường chỉ đào tạo kỹ năng biên dịch, có trường giảng dạy cả kiến thức và kỹ năng biên dịch và phiên dịch, song tỉ lệ giữa biên dịch và phiên dịch có khác nhau. Các học phần liên quan thường có Lý thuyết dịch hoặc Nhập môn Biên, phiên dịch, Thực hành dịch viết, Thực hành dịch nói và bố trí các học phần này từ năm thứ 3.

Thứ tư, các chuẩn đầu ra về kỹ năng biên, phiên dịch nói chung và các kỹ năng phiên dịch mới chỉ được mô tả khá quát, lí do có thể là vì giới hạn bởi thời lượng đào tạo và sự định hướng của mục tiêu đào tạo. Nội dung các học phần chủ yếu được xây dựng theo hướng chủ đề, các kỹ năng biên, phiên dịch tuy được giới thiệu song chưa được xây dựng một cách hệ thống, xuyên suốt.

Thứ năm, trong các CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của 06 trường, chỉ có CTĐT của Trường Đại học Hà Nội là dành toàn bộ tổng số tín chỉ bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành cho việc giảng dạy kiến thức và kỹ năng biên, phiên dịch. Các CTĐT khác thường dành từ 4 đến 7 tín chỉ cho các học phần chuyên ngành khác như: Tiếng Trung Quốc văn phòng, Tiếng Trung Quốc thương mại, Tiếng Trung Quốc kinh tế,...

2.5. Đề xuất khung kỹ năng phiên dịch dành cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng phiên dịch trên cơ sở mô hình của Gile

Từ mô hình của Gile, chúng ta có thể thấy, những khó khăn trong phiên dịch không đơn thuần chỉ là vấn đề ngôn ngữ, phiên dịch là một hoạt động tri nhận phức tạp mà trong đó người dịch phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một khoảng thời gian hữu hạn,... Trên cơ sở mô hình này, chúng tôi đề xuất bộ kỹ năng khung trong đào tạo phiên dịch cho CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng Biên phiên dịch với 05 nhóm kỹ năng: Kỹ năng xử lý đa nhiệm, Kỹ năng sắp xếp thông tin, Kỹ năng ghi nhớ, Kỹ năng ghi chép, Kỹ năng truyền đạt. Từ những kỹ năng phiên dịch mà khung CTĐT này quy định, những người xây dựng và thực hiện CTĐT có thể tiếp tục chi tiết hóa thành các kỹ năng cụ thể hơn.



Hình 1. Bộ kỹ năng khung phiên dịch theo mô hình của Gile

Trong đó:

- *Kỹ năng xử lý đa nhiệm (Multitasking)*: Việc bồi dưỡng hình thành và rèn luyện khả năng xử lý đa nhiệm cho người học là hướng đến mục tiêu tăng cường năng lực cùng lúc xử lý nhiều hoạt động của não bộ. Con người, bản sinh cũng có khả năng xử lý đa nhiệm, ví dụ khi lái xe, chúng ta có thể vừa nghe nhạc và nghe ngao theo bài hát đang nghe, hoặc vừa nghe điện thoại, ta vừa có thể lau dọn nhà cửa,... Nhưng các công việc/hoạt động này phần nhiều là đơn giản, lặp lại và không cần quá tập trung,... Còn trong khi dịch, người dịch phải đồng thời nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép, tái hiện và truyền tải thông tin, các tác vụ này đều đòi hỏi sự tập trung cao độ, ngoài ra, nhiều yếu tố gây nhiễu xung quanh cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả và chất lượng phiên dịch. Vì vậy, để tăng cường khả năng xử lý đa nhiệm cho người học, việc đầu tiên là phải rèn luyện sự tập trung và khả năng cân đối sự tập trung của não bộ đối với các tác vụ khác nhau.

- *Kỹ năng sắp xếp thông tin (Information structuring)*: Hoạt động phiên dịch có thể so sánh với việc xây dựng một công trình, người nói nói gì, không như xây ngôi nhà thế nào, người dịch phải dịch - dựng lại ngôi nhà y như thế, hoặc chí ít là tương tự. Ý tưởng về bài nói được ví như hình dạng của công trình. Tất nhiên, để hoàn thành việc xây dựng còn nhiều công đoạn, nhưng trước hết, người xây phải hiểu được thiết kế tổng thể của ngôi nhà mình định xây. Rèn luyện cho người học kỹ năng sắp xếp thông tin nhằm giúp họ hình thành và hoàn thiện khả năng nắm bắt, tái cấu

trúc thông tin thu nhận được từ quá trình nghe hiểu. Khả năng cấu trúc thông tin gồm hai phương diện, thứ nhất, khả năng sắp xếp thông tin, đưa chúng vào một trật tự phù hợp; thứ hai, khả năng đánh giá giá trị, phán đoán về mức độ cần thiết của thông tin. Ví dụ, trong một bài diễn thuyết mang tính nghị luận, các thông tin sẽ là các luận điểm được trình bày theo một trật tự nhất định, các luận điểm được phân chia chủ yếu, thứ yếu. Mỗi luận điểm lại có một hoặc vài luận cứ để chứng minh. Giá trị của các thông tin giảm hoặc tăng tùy theo mức độ quan trọng của luận điểm.

Cần thiết phải rèn luyện kỹ năng sắp xếp thông tin, bởi không như người nói, bài nói do họ đã tự soạn hoặc đã có sự chuẩn bị trước đó, người dịch ở vào thế hoàn toàn bị động khi tiếp nhận các thông tin. Để tạo mối liên kết giữa các thông tin và đánh giá được mức độ cần thiết cho chúng, người dịch cần sự tập trung cao độ và khả năng phân tích hiệu quả. Chỉ khi có kỹ năng này người học mới có thể theo kịp bài nói mà mình phải dịch.

- *Kỹ năng ghi nhớ (Memory)*: Sau khi các thông tin được đưa vào các vị trí phù hợp và được đánh giá đúng với giá trị của chúng, người dịch tiếp tục cần đến kỹ năng ghi nhớ. Ghi nhớ là một cơ chế hoạt động của não bộ trong đó “một dãy nhiều hệ thống tương tác với nhau và đều có khả năng mã hoá hoặc ghi nhớ thông tin, từ đó lưu trữ và cho phép ta truy xuất để sử dụng” (Baddeley, 1999). Thông tin được đưa vào não bộ thông qua trí nhớ cảm quan (SM), trước tiên được lưu trữ trong trí nhớ ngắn hạn (STM), sau đó nhờ thời gian và sự lặp lại mà được chuyển sang trí nhớ dài hạn (LTM). Đặc điểm của STM là chỉ có thể lưu trữ hữu hạn và ngắn hạn các thông tin tiếp nhận được, trong khi LTM tuy có thể lưu trữ vô hạn và dễ dàng tái hiện thông tin, nhưng nó cần một thời gian đủ dài (Saul McLeod, 2023). Người dịch khi tác nghiệp họ phải vận dụng một dạng thức ghi nhớ đặc biệt, gọi là “trí nhớ thao tác” (working memory), đây là “một hệ thống chứa đựng giới hạn dành cho việc lưu trữ tạm thời và điều khiển thông tin dành cho những nhiệm vụ phức tạp như hiểu, học và lập luận” (Baddeley, 1999). Khác với STM và LTM ở dạng tĩnh, dùng để lưu trữ thông tin, trí nhớ thao tác là một quá trình động vừa lưu trữ, vừa xử lý thông tin là sự kết hợp linh hoạt và đan xen giữa STM và LTM. Trí nhớ thao tác khá giống với STM, nó cũng hữu hạn và ngắn hạn. Kỹ năng ghi nhớ rất quan trọng, theo mô hình của Gile, kỹ năng ghi nhớ theo mô hình Gile gồm 2 mặt: khả năng lưu trữ và khả năng tái hiện. Nếu cả 2 mặt này được rèn luyện, người học sẽ khắc phục được sự hữu hạn của trí nhớ (Miller, 1956), khả năng tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và tái hiện thông tin của họ được tăng cường, từ đó hiệu quả và chất lượng phiên dịch được nâng lên.

- *Kỹ năng ghi chép (Note-taking)*: Phiên dịch là quá trình bắt đầu từ việc người dịch tiếp nhận thông tin qua kỹ năng nghe và phân tích (L), sau đó lưu trữ và tái hiện chúng bằng khả năng ghi nhớ (M+Rem), rồi dùng tài liệu để truyền tải tới người nghe (P). Toàn bộ quá trình ấy có thể không cần đến ghi chép, song không thể phủ nhận kỹ năng ghi chép trong phiên dịch (N+Read) góp phần quan trọng hỗ trợ cho hiệu quả của M và Rem, giảm áp lực phải phân chia nguồn tài nguyên hữu hạn của não bộ khi xử lý đa nhiệm, đồng thời giúp M lưu trữ và tái hiện thông tin tốt hơn, lâu dài hơn, chính xác hơn, từ đó tạo điều kiện cho P được thực hiện hiệu quả và thuận lợi. Có N và Read, công việc phiên dịch trở nên rõ ràng, chính xác và hoàn thiện. Mục đích của rèn luyện kỹ năng ghi chép là hỗ trợ cho L, A, M và P - những tác vụ phải tiến hành gần như đồng thời trong khi dịch, vì thế bản ghi phải đạt được những yêu cầu sau: thứ nhất, phải thể hiện được kết quả việc nghe hiểu, kết quả của việc sắp xếp thông tin và kết quả của việc ghi nhớ; thứ hai, cần ngắn gọn, dễ hiểu, tránh mơ hồ hoặc gây nhầm lẫn, có bố cục và mối liên hệ logic rõ ràng để là cơ sở và đầu mối cho việc tái hiện chính xác, đầy đủ.

- *Kỹ năng truyền đạt (Delivery)*: Mục đích cuối cùng của phiên dịch là làm thế nào để người dịch truyền tải một cách chính xác và đầy đủ nhất các thông tin từ SL đến cho người nghe bằng tài liệu. Kết quả của nó ra sao dựa nhiều vào chất lượng của kỹ năng truyền đạt. Đây là kỹ năng mang tính chất sản sinh (Reproduction), được xây dựng trên nền tảng của các kỹ năng mang tính tiếp nhận đã trình bày ở trên. Cũng giống như một dây chuyền sản xuất hàng hóa, kỹ năng truyền đạt là khâu cuối cùng để hoàn thiện và đóng gói sản phẩm trước khi đưa đi tiêu thụ. Các nội dung cụ thể cần rèn luyện cho kỹ năng này bao gồm: (1) Rèn luyện khả năng truyền đạt thông tin. Dịch không có nghĩa là “cứ vạ ngôn ngữ” để chuyển đổi y nguyên từng từ, từng cụm từ hay từng câu. Người học cần được rèn luyện để có thể vượt khỏi sự ràng buộc của lớp vỏ SL, sử dụng tài liệu một cách linh hoạt, phù hợp nhằm đưa các thông tin đến cho người nghe; (2) Rèn luyện khả năng diễn đạt tài liệu rành mạch, có logic. Nhiều trường hợp, khi phải đối mặt với các tình huống khó như người nói phát âm khó nghe, nói lí nhí, lắp bắp, lặp đi lặp lại, tràng giang đại hải, tiền hậu bất nhất hoặc diễn đạt lung tung, ngữ nghĩa mập mờ,... người học phải linh hoạt, sáng tạo, biết cách bổ sung hoặc đính chính thông tin, chủ động tạo ra sự liên kết thông tin và diễn đạt một cách trôi chảy, diễn cảm, thậm chí có thể hấp dẫn hơn bản gốc; (3) Rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông, rèn luyện sự tự tin, khả năng trình bày lưu loát, rèn luyện cách thức giao tiếp phi ngôn ngữ, khả năng thu hút sự chú ý bằng ngữ điệu, biểu cảm,... Song kỹ năng truyền đạt phải được rèn luyện trên cơ sở sự chính xác và thành thạo của các kỹ năng tiếp nhận. Các kỹ năng L,

M, N, Rem, Read phải được hình thành và hoàn thiện trước, người dịch mới nên tiến hành rèn luyện kỹ năng truyền đạt. Người dịch không thể chăm chăm rèn luyện sự tự tin, sự lưu loát hoặc tính logic của tài liệu mà không hiểu thậm chí hiểu sai các thông tin của người nói. Ngoài ra, song song với kỹ năng này, có thể rèn luyện thêm các kỹ năng hỗ trợ như cho người học như giao tiếp, trao đổi, thảo luận,...

3. Kết luận

Mô hình kỹ năng phiên dịch nối tiếp của Gile trong đào tạo phiên dịch nối tiếp là một kết quả nghiên cứu nổi bật, có nhiều giá trị cho việc nâng cao chất lượng đào tạo phiên dịch. Từ các thành phần trong 2 công thức thuộc 2 giai đoạn trong phiên dịch nối tiếp, chúng ta đã xác định được các kỹ năng phiên dịch tổng quát mà người học CTĐT ngành Ngôn ngữ định hướng phiên dịch cần có. Các kỹ năng này tiếp tục được chi tiết hóa thành các kỹ năng nhỏ hơn như: Nghe hiểu chủ đề, dự đoán thông tin, phân tích loại hình văn bản, xây dựng liên kết ý, ghi chép, đổi số, kỹ năng xử lý tình huống phát sinh,... Đây là những đề xuất mang tính tham khảo, giúp người phát triển và thực hiện CTĐT có thêm thông tin để tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chuẩn đầu ra phù hợp với từng học phần, từng giai đoạn đào tạo, biên soạn nguồn học liệu phù hợp, thiết kế các hoạt động dạy - học tương ứng và đưa ra hệ thống bài tập thích hợp. Đồng thời, người học có thể nhanh chóng hình thành và hoàn thiện các kỹ năng phiên dịch cho mình, từ đó có thể vận dụng thành thạo vào công việc phiên dịch thực tế.

Lời cảm ơn: Bài báo này được thực hiện với sự tham gia tài trợ kinh phí thuộc Đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch tiếng Trung Quốc chuyên ngành ở các trường đại học Việt Nam” của Bộ GD-ĐT, mã số: B2023-NHF-02.

Tài liệu tham khảo

- Albl-Mikasa, M. (2012). *The importance of being not too earnest: A process-and experience-based model of interpreter competence*. Dolmetschqualität in praxis, lehre und forschung, Festschrift für Sylvia Kalina, 59-92.
- Albl-Mikasa, M. (2013). Developing and cultivating expert interpreter competence. *The Interpreters' Newsletter*, 18, 17-34.
- Baddeley, A. (1999). *Essentials of Human Memory* (pp. 45-70). East Sussex: Psychology.
- Côté, S., Laroche, D., Blanchet, A., Paquette, M., Bernatchez, B., Pelletier, G., & Solar, C. (2015). *L'ingénierie de la formation professionnelle et technique*. Québec: Gouvernement du Québec, Ministère de l'éducation.
- Gile, D. (2009). *Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training*. John Benjamins Publishing.
- Herbert, J. (1952). *Le Manuel de l'interprète/The interpreter's handbook*. Librairie de l'Université Georgetown.
- Kade, O., & Cartellieri, C. (1971). Some methodological aspects of simultaneous interpreting. *Babel*, 17(2), 12-16.
- Lê Hùng Tiến (2017). Về cơ sở lý luận đào tạo biên phiên dịch ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, 33(2), 105-117.
- Lin Chao (2017). Đối sánh kỹ năng ghi chép trong phiên dịch theo mô hình Phiên dịch nối tiếp của Gill. *Tạp chí Hải hiệp Khoa học*, 3, 95-97.
- Miller, G. A. (1956). The Magical Number Seven, Plus or Minus Two: Some Limits on our Capacity for Processing Information. *Psychological Review*, 63, 81-97.
- Rozan, J. F. (1956). *La prise de notes en interprétation consécutive*, Geneva: Georg. The classical 'minimalist' approach to note-taking in consecutive.
- Saul McLeod (2023). *Short-Term Memory in Psychology: Types, Duration & Capacity*. <https://www.simplypsychology.org/long-term-memory.html>
- Seleskovitch, D. (1968). *L'Interprète dans les conférences internationales*. Paris: Minard.
- Vũ Văn Đại, Nguyễn Thị Cúc Phương, Kiều Thị Thúy Quỳnh, Nghiêm Thị Thu Hương (2023). *Nghiên cứu năng lực dịch thuật ứng dụng trong đào tạo biên, phiên dịch*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Wang Binhua (2007). Đánh giá “Năng lực phiên dịch” và đánh giá “Kỹ năng phiên dịch”. *Tạp chí Ngoại ngữ giới*, 3, 44-50.
- Wang Dan (2021). Giảng dạy kỹ năng phiên dịch: từ triết lý đến lớp học. *Tạp chí Nghiên cứu Dịch thuật liên ngành Châu Á Thái Bình Dương*, 1, 223-235.